



jí zhōng yíng
集中营

noun · concentration camp

Example Sentences

lì shǐ shū shàng jì zǎi le xǔ duō jí zhōng yíng de gù shì
历史书上记载了许多集中营的故事。

History books record many stories about concentration camps.

cān guān jí zhōng yíng yí zhǐ ràng rén xīn qíng chén zhòng
参观集中营遗址让人心情沉重。

Visiting the concentration camp site makes one feel heavy-hearted.

Trace each character, then write the word on your own.

集	集	集	集	集	集	集	集	集	集	集
集	集	集	集							
中	中	中	中	中	中	中				
营	营	营	营	营	营	营	营	营	营	营
营	营	营								